

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH INVESTMENT CONSULTANCY AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108617013

**3. Ngày thành lập:** 20/02/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

BT 3B9 KĐT Mỹ Đình 1, phố Lê Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                   | 4292     |
| 2.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                             | 4293     |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                        | 4299     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                               | 4610     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại nhà nước cấm) | 4620     |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                           | 4102     |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                          | 4221     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                    | 4329     |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                | 4632     |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                  | 4633     |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                               | 4651     |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5225        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5229        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 17. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7810        |
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7911        |
| 19. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7990        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610        |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5629        |
| 23. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190        |
| 24. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6619(Chính) |
| 25. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7912        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm);<br>- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299        |
| 27. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8560        |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101        |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM QUỲNH TRÂM

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/11/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184000422

Ngày cấp: 22/05/2013 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: BT 3B9 KĐT Mỹ Đình 1, phố Lê Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: BT 3B9 KĐT Mỹ Đình 1, phố Lê Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM QUỲNH TRÂM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/11/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184000422

Ngày cấp: 22/05/2013 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: BT 3B9 KĐT Mỹ Đình 1, phố Lê Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: BT 3B9 KĐT Mỹ Đình 1, phố Lê Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội